

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 21-10-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Thu.

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Không Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 90/2021/HNGĐ-ST ngày 16-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cúc H, sinh năm 1977.

Bị đơn: Ông Lý Văn D, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 350 ấp Thuận Hòa 2, xã HKN, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cúc H.

(Bà H, ông D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Cúc H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lý Văn D cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HKN, huyện ĐH, tỉnh LA vào ngày 10/9/1998 (Giấy đăng ký số 02, quyển số 01). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan

điểm sống và mất lòng tin với nhau, ông D thường xuyên ghen tuông vô cớ. Vào đầu năm 2020, bà có nộp đơn ly hôn với ông D một lần tại Tòa án nhưng sau đó, bà rút đơn vì nghĩ đến con và cho ông D cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2020. Tuy nhiên, sau đó ông D vẫn không thay đổi. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà tiếp tục yêu cầu ly hôn với ông D. Hiện bà và ông D vẫn sống chung một nhà nhưng hai bên đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà thì bà không có ý định thay đổi chỗ ở mới mà vẫn sống cùng với ông D để chăm sóc con chung. Mục đích bà yêu cầu ly hôn với ông D để hai bên không còn nghĩa vụ, quyền hạn gì với nhau.

Về con chung: Bà và ông D có hai con chung tên Lý Mạnh Kh, sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Lý Uyển V, sinh ngày 27/7/2011, hiện cháu V đang sống cùng bà và ông D. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà, bà đồng ý giao cháu V cho ông D nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông D không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn Lý Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian kết hôn. Theo ông, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Tuy nhiên, khoảng năm 2019, do bà H có những biểu hiện làm ông nghi ngờ như thường xuyên lên lút nói chuyện và nhắn tin điện thoại với người khác giới nên vợ chồng thường cãi nhau. Đầu năm 2020, bà H nộp đơn ly hôn, lý do nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác, sau đó, bà H rút đơn. Nay bà H tiếp tục yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà H và không muốn con ông thiếu vắng tình thương của cả cha lẫn mẹ. Hiện ông và bà H vẫn còn sống chung một nhà và chưa từng ly thân nhau.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến và yêu cầu giải quyết những vấn đề này.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 90/2021/HNGĐ-ST ngày 16-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH đã căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cúc H về việc "Ly hôn" với ông Lý Văn D.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cúc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007642 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA. Bà H đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 16/4/2021, bà Nguyễn Thị Cúc H kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bà được ly hôn với ông Lý Văn D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và các đương sự thỏa thuận được với nhau như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lý Văn D tự nguyện ly hôn với bà Nguyễn Thị Cúc H.
- Về con chung: Ông Lý Văn D và bà Nguyễn Thị Cúc H thống nhất là bà H có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung tên Lý Uyển V, sinh ngày 27/7/2011.
- Về cấp dưỡng: Ông Lý Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 300.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung tên V tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Lý Văn D và bà Nguyễn Thị Cúc H thống nhất tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Vợ chồng bà H, ông D sẽ tự chịu trách nhiệm với chủ nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, cải sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Cúc H kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo Sổ hộ khẩu số 08048726 của Công an xã HKN, huyện ĐH, tỉnh LA cấp cho chủ hộ Nguyễn Thị Cúc H ngày 01/11/2005 thể hiện nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện ĐH, tỉnh LA nên Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyền số 01 ngày 10/9/1998 của Ủy ban nhân dân xã HKN, huyện ĐH, tỉnh LA thì bà Nguyễn Thị Cúc H và ông Lý Văn D là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lý Văn D đã tự nguyện ly hôn với bà Nguyễn Thị Cúc H; đồng thời ông D và bà H đã thỏa thuận được với nhau về con chung, cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông D và bà H thống nhất tự thương lượng giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông D và bà H thống nhất tự chịu trách nhiệm với người có quyền (chủ nợ) và hiện tại không có ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cúc H có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình, ông D chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cúc H.

Cải sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 90/2021/HNGĐ-ST ngày 16-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Nguyễn Thị Cúc H và ông Lý Văn D; bà H và ông D không còn là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Cúc H và ông Lý Văn D về việc bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lý Uyển V, sinh ngày 27/7/2011.

[3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý Văn D cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000 đồng/tháng, kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung tên V tròn 18 tuổi.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Cúc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007642 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA.

[6] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lý Văn D phải chịu 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Cúc H số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007944 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh LA.

[8] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh